



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng Đồng Nai

Ngày 30/06/2025	98,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.7%	11.3%	42.9%

DT thuần Q2/25
392
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0 10.7%
YoY: ▲ 70.0 21.7%

LN thuần Q2/25
140
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0 13.2%
YoY: ▲ 33.0 31.2%

LN sau thuế Q2/25
125
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.9 26.6%
YoY: ▲ 39.7 47.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
40.4%
YoY: +/- ▲ 5.1%

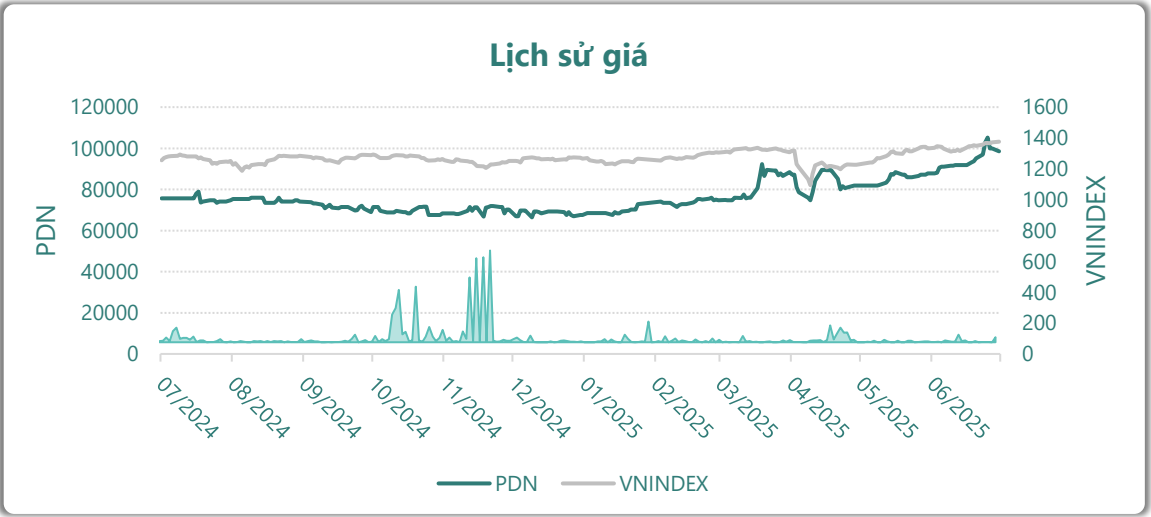
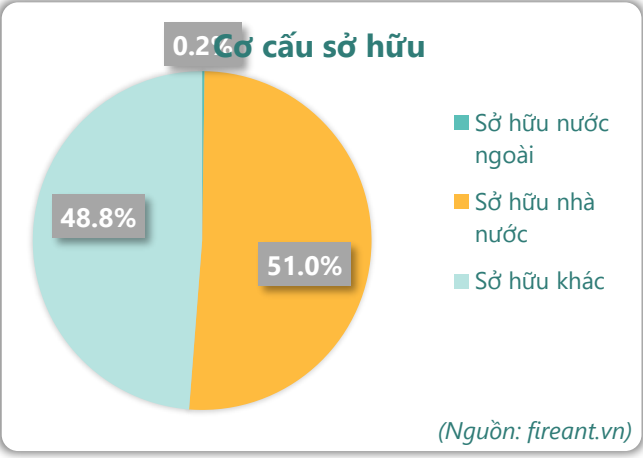
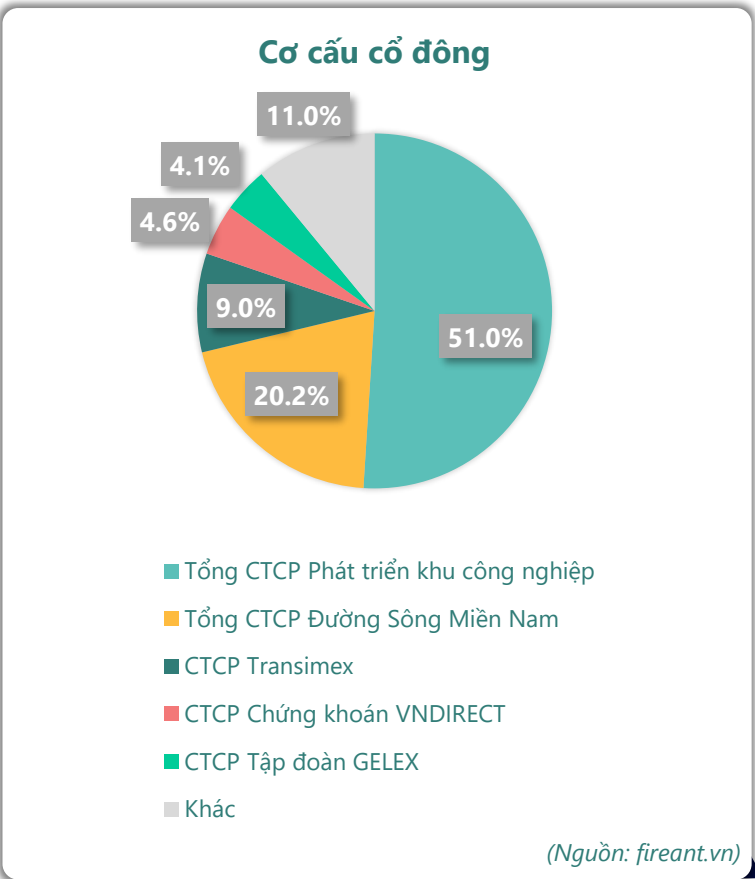
ROE (TTM) Q2/25
34.4%
YoY: +/- ▲ 3.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	66,407 - 105,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,473
Số lượng CPLH (CP)	55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,715
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.80
EPS	7,228
P/E	13.6

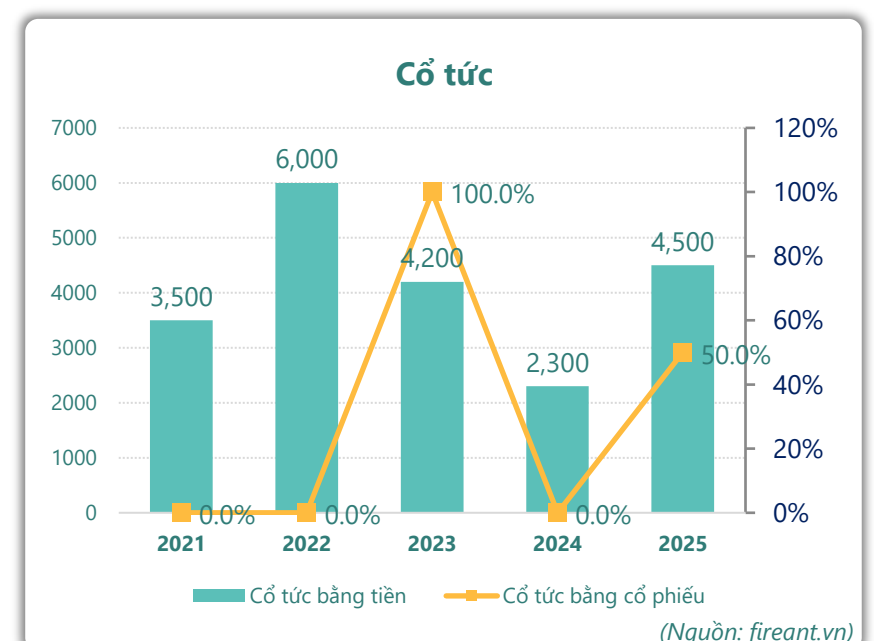
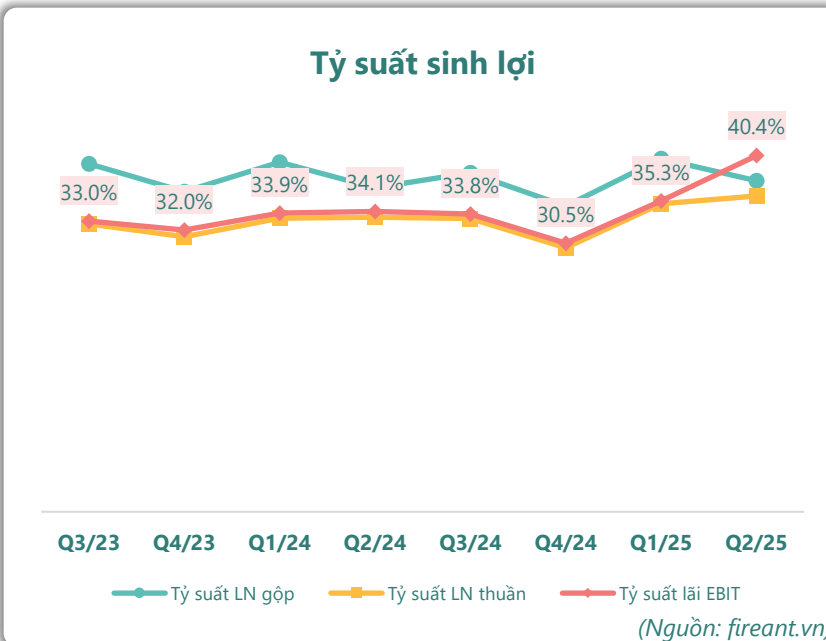
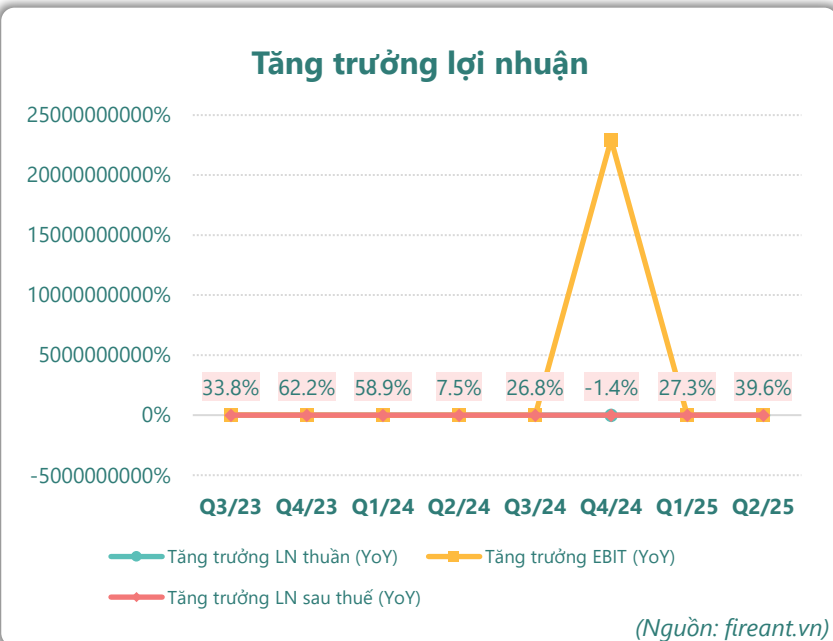
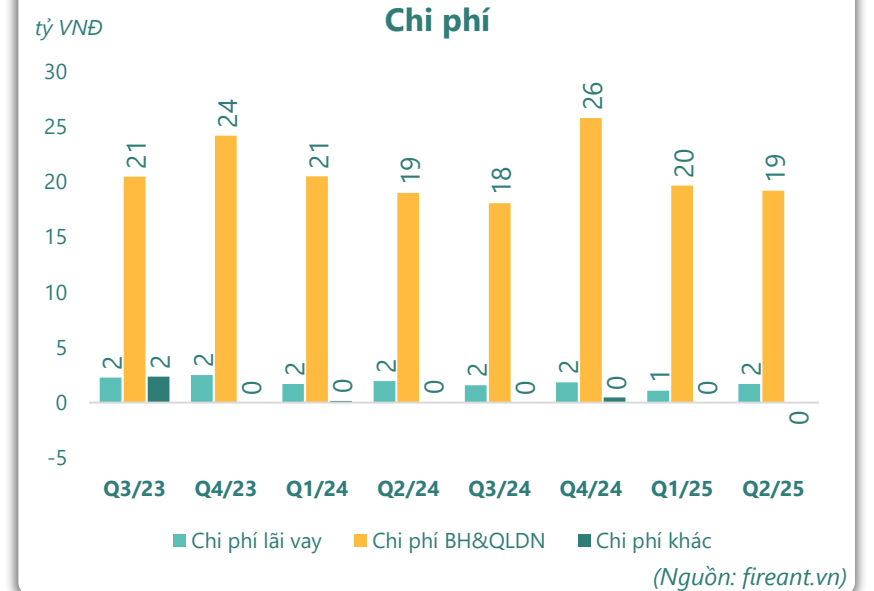
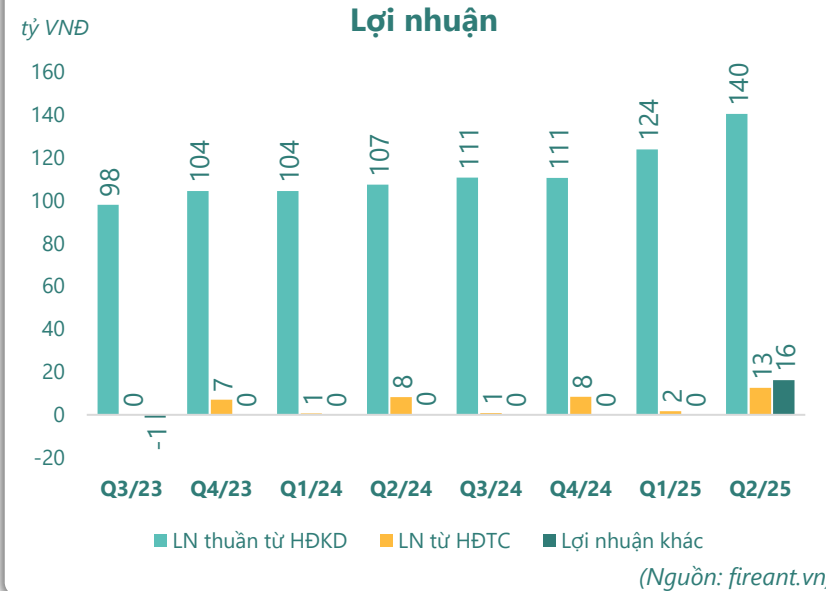
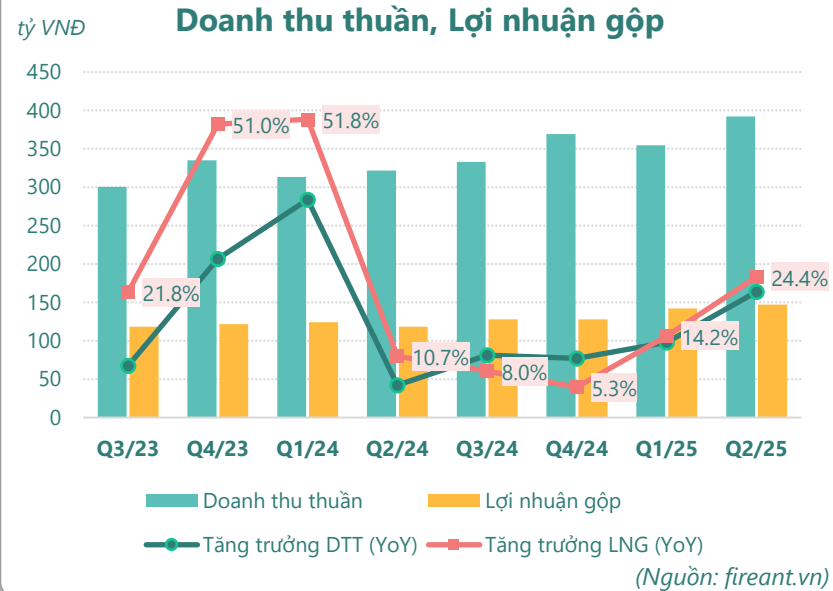
DT thuần 6T 2025
746
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 111 17.5%

LN thuần 6T 2025
264
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0 24.7%

LN sau thuế 6T 2025
225
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0 31.9%



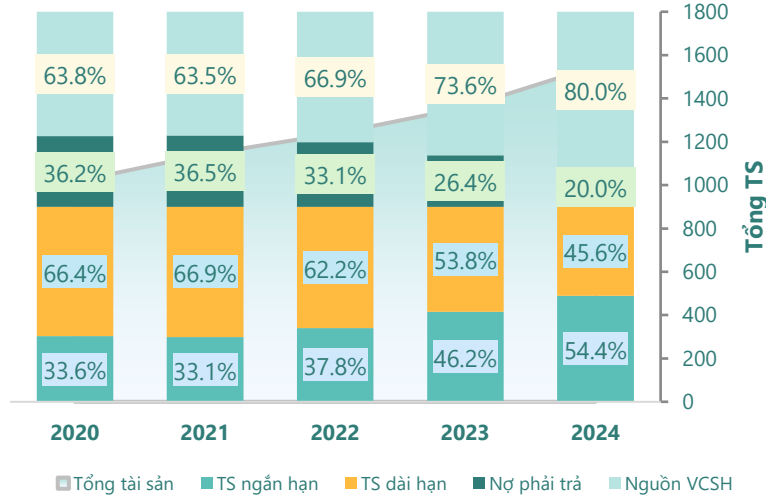
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

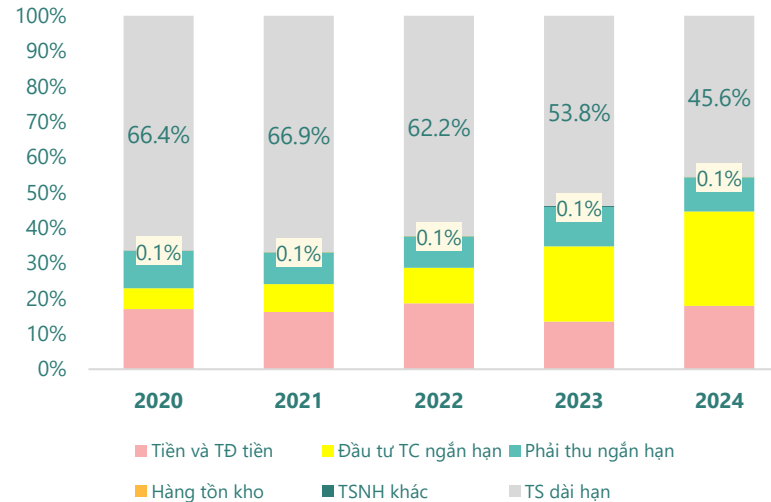
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

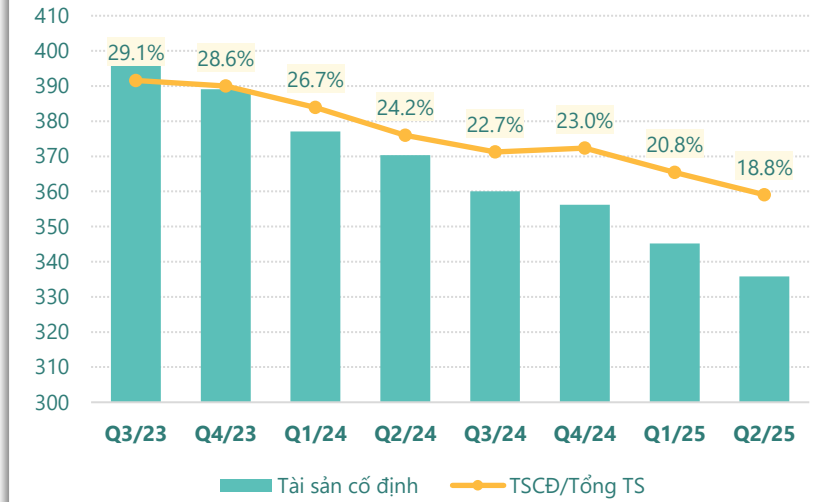
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

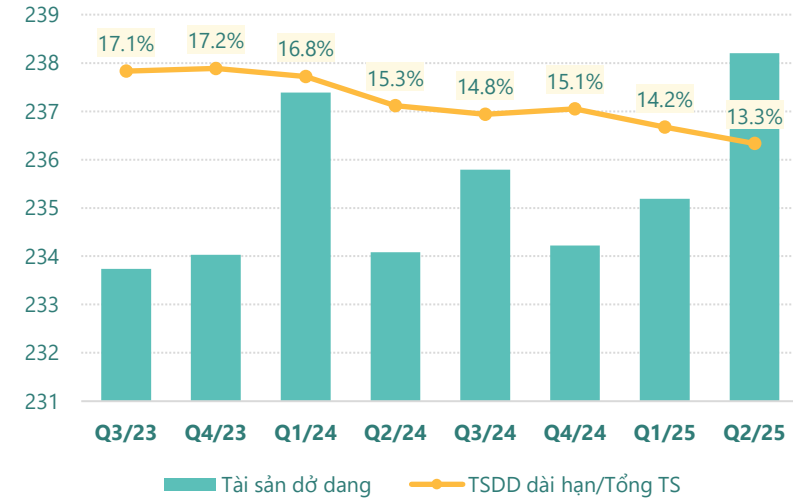
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

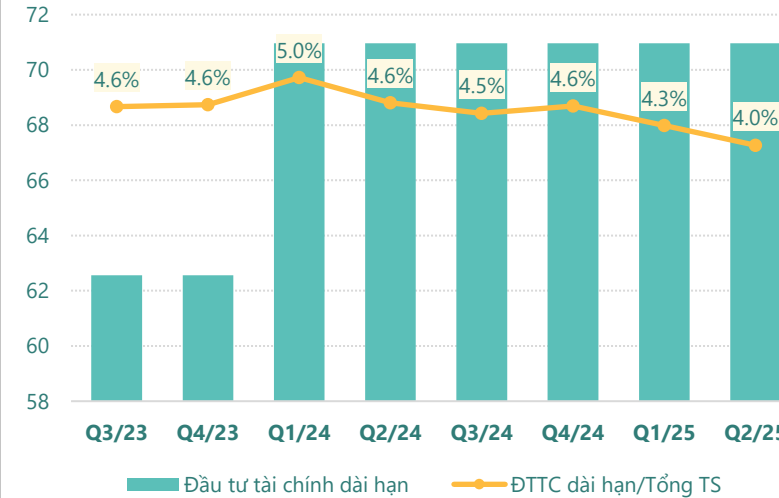
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

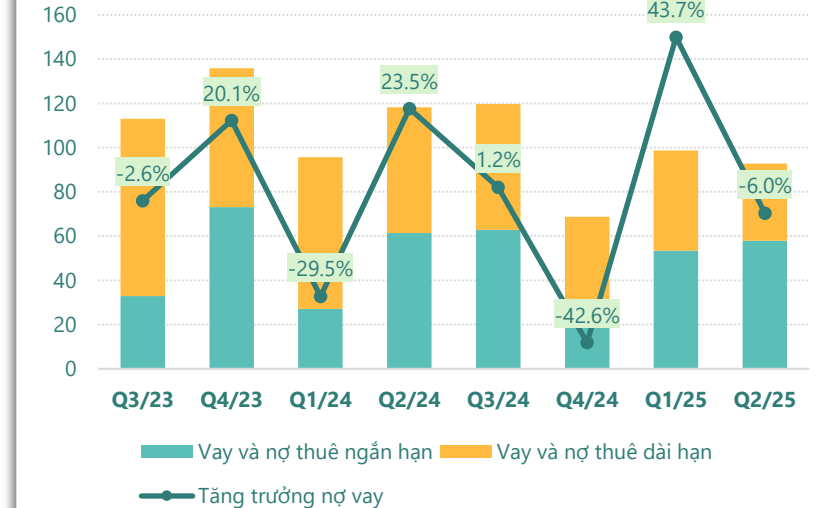
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

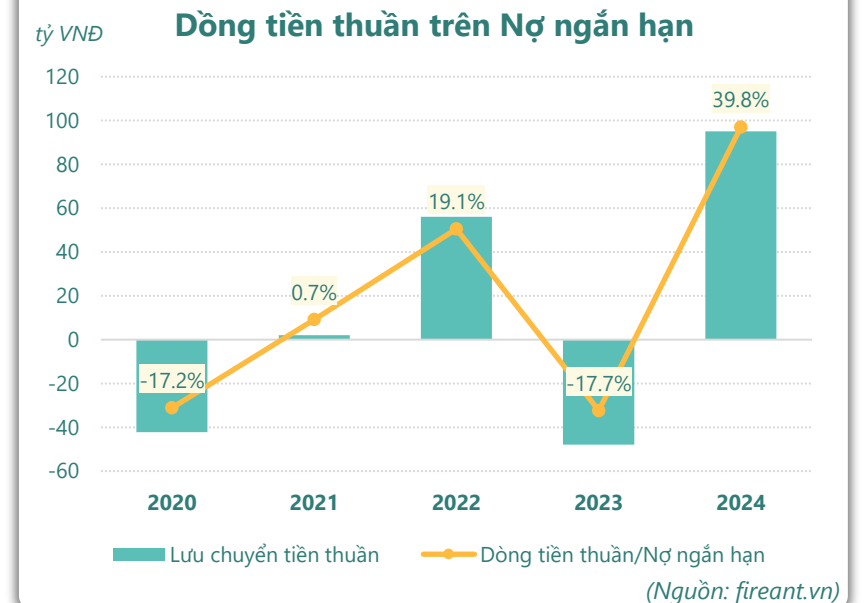
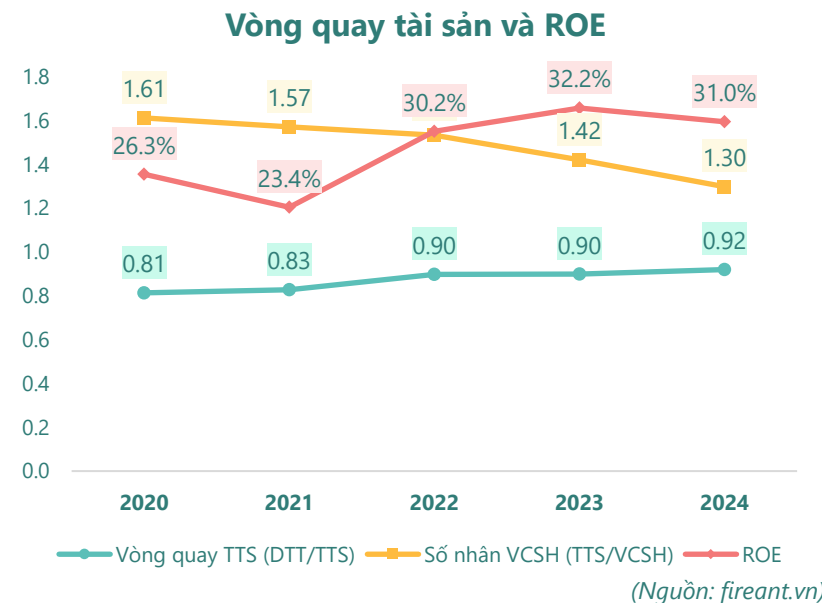
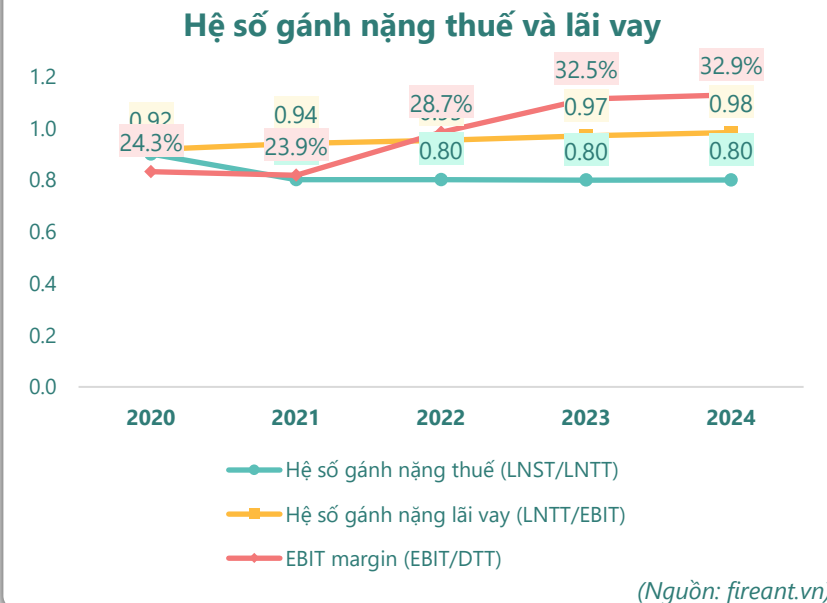
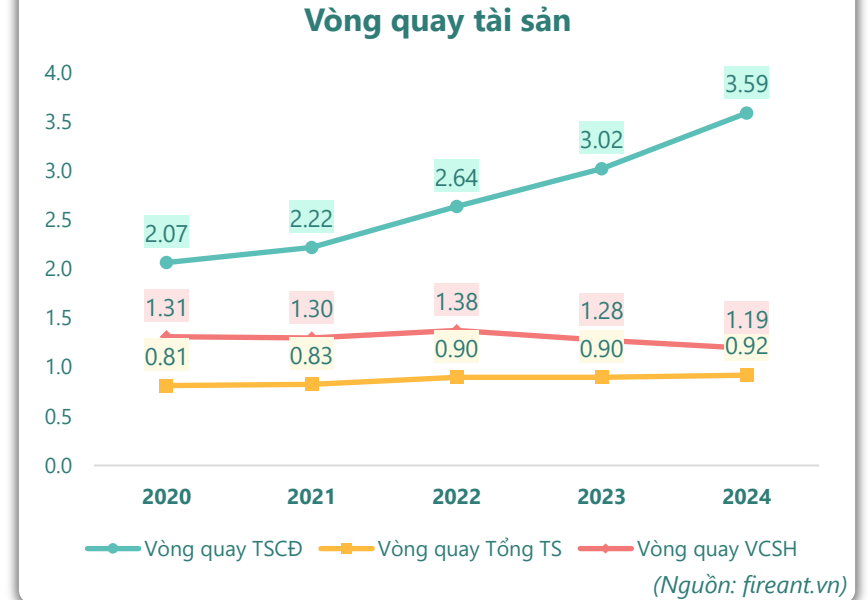
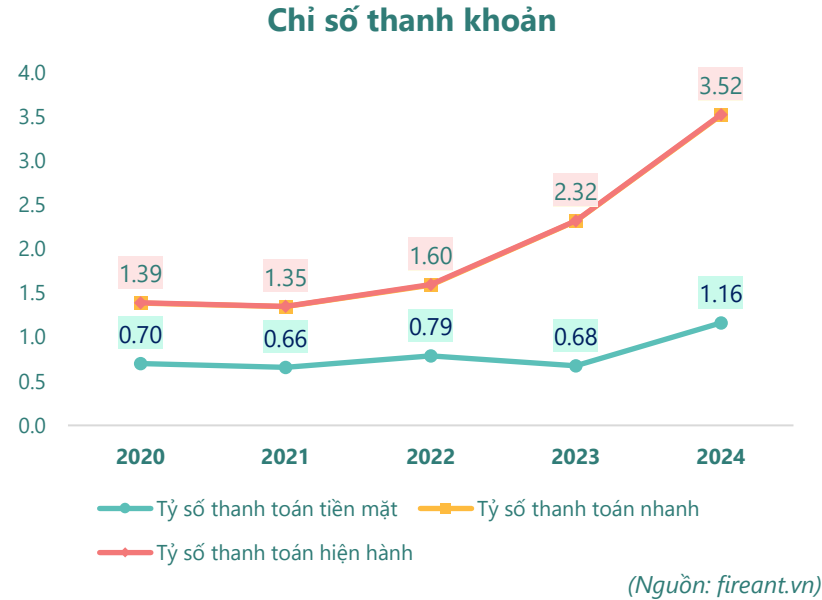
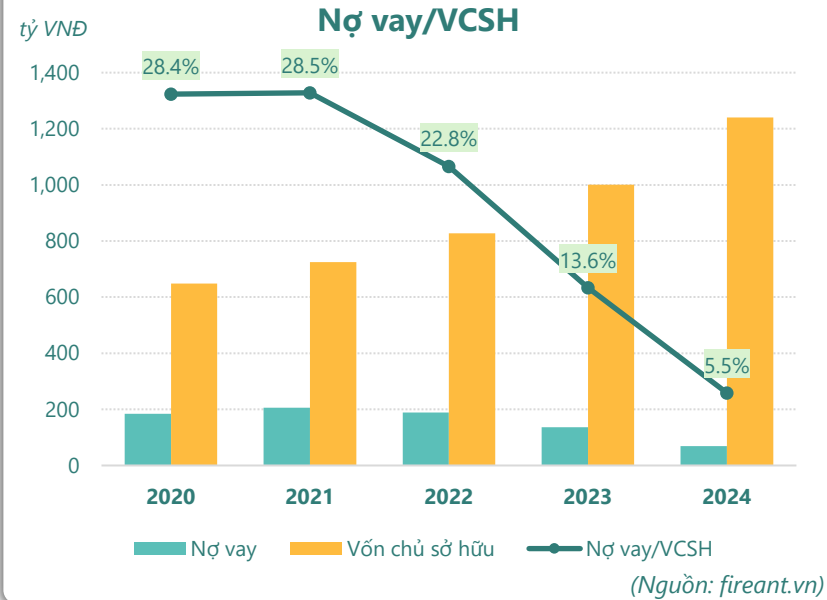
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	392	322	21.7%	746	635	17.5%
Giá vốn hàng bán	245	204	20.0%	457	393	16.5%
Lợi nhuận gộp	147	118	24.7%	289	243	19.2%
Doanh thu HĐTC	14.3	10.2	39.7%	17.0	12.6	35.1%
Chi phí TC	1.72	1.96	-12.5%	2.80	3.65	-23.3%
Chi phí lãi vay	1.70	1.95	-13.0%	2.78	3.63	-23.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.60	3.90	-7.7%	7.55	11.3	-32.9%
Chi phí QLDN	15.6	15.1	3.5%	31.4	28.3	10.9%
LN thuần từ HĐKD	140	107	31.2%	264	212	24.7%
Lợi nhuận khác	16.2	0.22	7278%	16.3	0.27	5826%
LN trước thuế	157	108	45.1%	281	212	32.3%
Lợi nhuận sau thuế	125	85.3	47.1%	225	170	31.9%
LNST của CĐ cty mẹ	125	85.3	47.1%	225	170	31.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	79.9	93.4	148	60.2	83.1	184
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.4	-43.9	-3.24	-48.8	-109	-75.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.1	22.5	-83.7	-51.0	-2.26	-47.9
Tiền đầu kỳ	183	184	256	317	278	250
Lưu chuyển tiền thuần	1.39	72.0	61.3	-39.6	-28.0	60.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.17	0	0
Tiền cuối kỳ	184	256	317	278	250	310

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,787	1,549	15.4%
Tài sản ngắn hạn	1,098	843	30.3%
Tiền và tương đương tiền	310	278	11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	601	413	45.5%
Phải thu ngắn hạn	181	150	20.9%
Hàng tồn kho	1.82	1.74	4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.45	0.43	939%
Tài sản dài hạn	688	706	-2.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	336	356	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	238	234	1.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	43.5	44.3	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	514	309	66.2%
Nợ ngắn hạn	454	239	89.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.8	23.5	146%
Phải trả người bán ngắn hạn	133	91.1	45.9%
Nợ dài hạn	59.5	69.8	-14.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.9	45.2	-22.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,273	1,240	2.7%
Vốn chủ sở hữu	1,273	1,240	2.7%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

